

# 中國科技大學國際專修部學生修業辦法

## Phương thức đào tạo học sinh Chương trình dự bị Đại học quốc tế - Đại học Công nghệ Trung Quốc

112年04月24日行政會議訂定通過

Được Hội nghị hành chính xây dựng và thông qua ngày 24/4/2023

112年12月25日行政會議修正通過

Được Hội nghị hành chính sửa đổi và thông qua ngày 25/12/2023

114年01月20日行政會議修正通過

Được Hội nghị hành chính sửa đổi và thông qua ngày 20/01/2025

**第一條** 中國科技大學(以下簡稱本校)國際專修部依據教育部「重點產業領域擴大招收僑生港澳學生及外國學生實施計畫」招收境外學生，為規範學生入學資格、學雜費、學制銜接、華語文能力測驗(TOCFL)及獎勵機制等，特訂定「中國科技大學國際專修部學生修業辦法」(以下簡稱本辦法)。

**Điều 1** Chương trình dự bị Đại học quốc tế - Đại học Công nghệ Trung Quốc (sau đây gọi tắt là trường chúng tôi), chiêu sinh sinh viên nước ngoài theo “Kế hoạch thực hiện mở rộng chiêu sinh sinh viên Hoa kiều, sinh viên Hồng Kông, Ma Cao và sinh viên nước ngoài cho các ngành nghề trọng điểm”, nhằm chuẩn hóa điều kiện nhập học, học phí - phụ phí, liên kết chương trình đào tạo, kỳ thi năng lực Hoa ngữ (TOCFL) và quy chế khen thưởng, từ đó xây dựng “Phương thức đào tạo học sinh Chương trình dự bị Đại học quốc tế - Đại học Công nghệ Trung Quốc” (sau đây gọi tắt là Phương thức này).

**第二條** 入學資格：

**Điều 2** Điều kiện nhập học:

- 一、符合「外國學生來臺就學辦法」、「香港澳門居民來臺就學辦法」及「僑生回國就學及輔導辦法」所定外國學生、港澳生及僑生身份，且具學士班入學資格。
  - I. Phù hợp với điều kiện tư cách của sinh viên nước ngoài, học sinh, sinh viên Hồng Kông, Ma Cao, Hoa kiều được quy định trong “Phương thức học tập cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan”, “Phương thức học tập cho cư dân Hồng Kông, Ma Cao học tập tại Đài Loan” và “Phương thức học tập và hỗ trợ cho học sinh, sinh viên Hoa kiều về nước học tập tại Đài Loan”, và có tư cách nhập học lớp Cử nhân.
- 二、申請來臺於國際專修部先修華語每人以一次為限，遇特殊事由中斷，經教育部同意後，得再申請一次。
  - II. Hạn chế số lượng mỗi người một lần được đăng ký lớp học tiếng Hoa thuộc Chương trình dự bị Đại học quốc tế du học Đài Loan, trong trường hợp bị gián đoạn do lý do đặc biệt, sau khi được của Bộ Giáo dục chấp thuận, được phép đăng ký thêm một lần nữa.

第三條 入學審查：

Điều 3 Thẩm định nhập học:

- 一、申請者通過本校招生委員會審查資格後，由國際專修部發給華語先修生條件式入學許可，並將錄取名冊函報教育部，由教育部函轉外交部領事事務局轉知各駐外館處。
- I. Người đăng ký sau khi vượt qua vòng thẩm định tư cách của Ủy ban tuyển sinh trường chúng tôi, sẽ được Chương trình dự bị Đại học quốc tế cấp phép nhập học đủ điều kiện sinh viên lớp học tiếng Hoa, và gửi danh sách trúng tuyển báo cáo lên Bộ Giáo dục, và sẽ do Bộ Giáo dục chuyển tới Cục lãnh sự - Bộ Ngoại giao để thông báo tới các Văn phòng đại diện ngoại giao Đài Loan đặt tại nước ngoài.
- 二、學生所繳入學證明文件如有偽造、假借、塗改等情事，經查明，應撤銷錄取資格；已註冊入學者，撤銷其學籍，且不發給任何相關學業證明；如畢業後始發現者，由本校撤銷其畢業資格並註銷其學位證書。
- II. Nếu giấy tờ chứng nhận nhập học do sinh viên nộp bị phát hiện có tình trạng bị giả mạo, mượn, sửa chữa, sẽ bị thu hồi tư cách trúng tuyển; Với người đã đăng ký nhập học, sẽ bị thu hồi học bạ, và sẽ không cấp phát bất cứ chứng nhận học tập liên quan nào; Nếu sau khi tốt nghiệp mới bị phát hiện, sẽ do trường chúng tôi thu hồi tư cách tốt nghiệp và hủy bỏ giấy chứng nhận cho học vị đó.

第四條 修課規範：

Điều 4 Quy định về khóa học

- 一. 國際專修部華語先修生(以下稱先修生)修讀華語課程期間以一年為原則(至少一學期)限修讀華語課程，學期間每週至少15小時，一年不得低於720小時。依本辦法第二條第二款重新申請入學國際專修部之學生，修讀華語課程時數須重新計算，前次修讀之時數亦不予認列。
- I. Theo nguyên tắc thời gian theo học khóa học tiếng Hoa của sinh viên lớp học tiếng Hoa thuộc Chương trình dự bị Đại học quốc tế (sau đây được gọi là sinh viên tiếng Hoa) là một năm (tối thiểu là 1 học kỳ) được giới hạn học khóa học tiếng Hoa. Trong thời gian học tập, mỗi tuần ít nhất 15 giờ, 1 năm không được ít hơn 720 giờ. Theo khoản 2, Điều 2 của Phương thức này, với sinh viên đăng ký nhập học lại vào Chương trình dự bị Đại học quốc tế, thời lượng khóa học tiếng Hoa đã học sẽ phải tính lại từ đầu, số giờ đã học trước đó cũng không được công nhận.
- 二. 先修生學業成績考評，包含平時成績、期中成績與期末成績；成績評量標準、方式由授課教師依課程實際需要而實施採行，並公布於課程內容。
- II. Đánh giá thành tích học tập của sinh viên tiếng Hoa, bao gồm thành tích ngày thường, thành tích giữa kỳ và thành tích cuối kỳ; Tiêu chuẩn, cách thức đánh giá thành tích do giáo viên giảng dạy áp dụng để thực hiện được căn cứ vào nhu cầu thực tế của khóa

học, và được công bố trong nội dung khóa học.

- 三. 先修生各項成績經授課教師評定後送交國際專修部，不得更改。但如屬授課教師之失誤有遺漏或核算錯誤者，由授課教師將「更正學生學期成績申請表」暨相關資料備妥，以書面送交國際專修部更改成績，最遲應於成績送達二週內提出。
- III. Các mục thành tích của sinh viên tiếng Hoa sau khi được giáo viên giảng dạy bình xét sẽ được đưa tới Chương trình dự bị Đại học quốc tế, không được phép sửa đổi. Nhưng trong trường hợp do lỗi của giáo viên giảng dạy, có sai sót hoặc lỗi do tính toán, giáo viên giảng dạy chuẩn bị sẵn “Mẫu tờ khai chỉnh sửa thành tích học kỳ của sinh viên” và các tài liệu liên quan, chuyển tới Chương trình dự bị Đại học quốc tế bằng văn bản để chỉnh sửa thành tích, muộn nhất phải đưa ra trong vòng 2 tuần sau khi thành tích được đưa ra.
- 四. 先修生於考試時有作弊行為者，經查證屬實，視情節輕重依據本校「學生獎懲辦法」予以處分。
- IV. Trong trường hợp sinh viên tiếng Hoa có gian lận khi thi, sau khi được xác minh là đúng sự thật, thì căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của tình tiết dựa trên “Quy định khen thưởng, xử phạt học sinh” của nhà trường để xử lý kỷ luật.
- 五. 先修生因故缺席，得參照本校「學生請假規則」至國際專修部請假，未經核准請假或請假未核准而缺席者視為曠課。先修生缺(曠)課時數達15小時(含以上)由國際專修部約談學生並進行列管輔導，累計至30小時記小過1次，累計45小時記大過1次，每累計15小時再記大過1次，累計滿三次大過，依據本校「學生獎懲辦法」予以退學處分。
- V. Sinh viên tiếng Hoa nghỉ học có lý do, phải đến Chương trình dự bị Đại học quốc tế để xin nghỉ tuân theo “Quy tắc xin nghỉ của học sinh” của nhà trường, trường hợp vắng mặt không xin phép hoặc xin phép nhưng chưa được phê duyệt thì bị coi là trốn học. Số giờ sinh viên tiếng Hoa vắng mặt (trốn học) đến (bao gồm trên) 15 giờ sẽ do Chương trình dự bị Đại học quốc tế hẹn gặp mặt để trao đổi với sinh viên và thực hiện hỗ trợ giám sát, nếu cộng dồn đến 30 giờ sẽ ghi lỗi nhỏ 1 lần, cộng dồn đến 45 giờ sẽ ghi lỗi lớn 1 lần, mỗi lần cộng dồn 15 giờ sẽ lại ghi lỗi lớn 1 lần nữa, cộng dồn đủ 3 lần lỗi lớn, sẽ bị xử lý cho thôi học căn cứ theo “Quy định khen thưởng, xử phạt học sinh” của nhà trường.
- 六. 先修生於國際專修部修讀華語課程期間或期滿後，應達華語文能力測驗(TOCFL)之聽力與閱讀測驗基礎級A2標準(含以上)，得接續修讀所錄取之學系一年級；未達標準者，採退學處分。
- VI. Sinh viên tiếng Hoa trong thời gian học tập hoặc sau khi kết thúc thời gian học tập khóa học tiếng Hoa thuộc Chương trình dự bị Đại học quốc tế, cần phải đạt tiêu chuẩn

cấp độ A2 cơ bản (bao gồm trở lên) với kỹ năng nghe và đọc hiểu của kỳ thi năng lực Hoa ngữ (TOCFL), được học lên năm thứ nhất khoa đã trúng tuyển; Trường hợp không đạt tiêu chuẩn, sẽ thực hiện xử lý kỷ luật buộc thôi học.

- 七. 先修生於國際專修部修讀華語課程期間或期滿後，通過華語文能力測驗 (TOCFL)之聽力與閱讀測驗基礎級A2檢測後，必須轉入錄取之學系就讀，無法配合者需辦理退學，不得續留國際專修部。
- VII. Sinh viên tiếng Hoa trong thời gian học tập hoặc sau khi kết thúc thời gian học tập khóa học tiếng Hoa thuộc Chương trình dự bị Đại học quốc tế, sau khi đạt cấp độ A2 cơ bản cho kỹ năng nghe và đọc hiểu của kỳ thi năng lực Hoa ngữ (TOCFL), phải chuyển lên theo học năm thứ nhất khoa đã trúng tuyển; Trường hợp không phối hợp, cần xử lý buộc thôi học, không được tiếp tục ở lại Chương trình dự bị Đại học quốc tế.
- 八. 先修生於國際專修部修讀華語課程期間不得申請轉系或轉學、亦不得休學；但於正式修讀學士班專業課程一年後，得符合教育部規定之製造業、營造業、農業及長期照顧、服務業及電子商務業等相關系所申請轉系或轉學。
- VIII. Trong thời gian sinh viên tiếng Hoa học tập khóa học tiếng Hoa thuộc Chương trình dự bị Đại học quốc tế không được xin chuyển khoa hoặc chuyển trường, cũng không được bảo lưu; Tuy nhiên, sau một năm học chính thức khóa học cử nhân chuyên môn, sinh viên có thể xin chuyển khoa hoặc chuyển trường thuộc các ngành sản xuất, xây dựng, nông nghiệp, chăm sóc dài hạn, dịch vụ và thương mại điện tử phù hợp yêu cầu của Bộ Giáo dục.
- 九. 先修生於國際專修部修讀華語課程修業期滿並通過華語文能力測驗(TOCFL)之聽力與閱讀測驗基礎級A2標準(含以上)，由國際專修部發給結業證書及研習時數證書。
- IX. Sinh viên tiếng Hoa sau khi kết thúc thời gian học tập khóa học tiếng Hoa thuộc Chương trình dự bị Đại học quốc tế, và đạt tiêu chuẩn cấp độ A2 cơ bản (bao gồm trở lên) với kỹ năng nghe và đọc hiểu của kỳ thi năng lực Hoa ngữ (TOCFL), sẽ được Chương trình dự bị Đại học quốc tế cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp và chứng nhận giờ học.
- 十. 先修生於國際專修部修讀華語課程不得採認畢業學分，學生考取華語文能力測驗(TOCFL)之聽力與閱讀測驗基礎級A2標準(含以上)轉入正式修讀學士班後，須依循本校「學則」完成各學系之畢業條件，始得畢業。
- X. Sinh viên tiếng Hoa học tập khóa học tiếng Hoa thuộc Chương trình dự bị Đại học quốc tế không được công nhận tín chỉ tốt nghiệp, sau khi sinh viên thi đạt tiêu chuẩn cấp độ A2 cơ bản (bao gồm trở lên) với kỹ năng nghe và đọc hiểu của kỳ thi năng lực Hoa ngữ (TOCFL) chuyển sang theo học lớp cử nhân chính thức, cần phải hoàn tất

các điều kiện tốt nghiệp của các khoa theo học tuân theo “Nội quy học tập” của nhà trường.

**第五條 住宿規範：**

**Điều 5 Quy định về nơi ở:**

- 一、先修生於國際專修部修讀華語課程期間，須居住校內學生宿舍。
- I. Trong thời gian sinh viên tiếng Hoa học tập khóa học tiếng Hoa thuộc Chương trình dự bị Đại học quốc tế, cần phải ở trong ký túc xá học sinh của nhà trường.
- 二、先修生於國際專修部修讀華語課程期間，應遵守本校「學生宿舍管理辦法」及「宿舍生活公約」規定。先修生違反宿舍規定者，經查證屬實，視情節輕重依據本校「學生獎懲辦法」予以處分。
- II. Trong thời gian sinh viên tiếng Hoa học tập khóa học tiếng Hoa thuộc Chương trình dự bị Đại học quốc tế, cần tuân thủ các quy định trong “Quy định quản lý ký túc xá học sinh” và “Quy ước cuộc sống ký túc xá” của nhà trường. Trong trường hợp sinh viên tiếng Hoa vi phạm quy định của ký túc xá, sau được khi xác minh là đúng sự thật, thì căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của tình tiết dựa trên “Quy định khen thưởng, xử phạt học sinh” của nhà trường để xử lý kỷ luật.

**第六條 工作許可：**

**Điều 6 Cấp phép lao động:**

- 一、先修生於國際專修部修讀華語課程期間得比照一般學位生向勞動部申請工作許可。
- I. Trong thời gian sinh viên tiếng Hoa học tập khóa học tiếng Hoa thuộc Chương trình dự bị Đại học quốc tế, được phép xin Bộ Lao động cấp phép lao động giống như sinh viên theo học học vị thông thường.
- 二、先修生取得工作許可後，應符合勞動部就業服務法第50條規定「學期期間每週工讀時數最長20小時；寒暑假期間不受限制」。
- II. Sinh viên tiếng Hoa sau khi nhận được giấy phép lao động, cần đáp ứng quy định tại Điều 50 của Luật dịch vụ việc làm - Bộ Lao động: “số giờ làm thêm hàng tuần trong học kỳ học tập tối đa không quá 20 giờ; Trong thời gian của kỳ nghỉ hè, nghỉ đông không bị giới hạn”.

**第七條 學雜費收費標準：**

**Điều 7 Quy chuẩn thu học phí - phụ phí:**

- 一、先修生於國際專修部修讀華語課程期間第一學年(兩學期)每學期繳交雜費，另收取電腦及網路通訊使用費、各項代辦費用；進入錄取之學系就讀後依所屬學系學雜費規定收取。

- I. Trong thời gian sinh viên tiếng Hoa học tập khóa học tiếng Hoa thuộc Chương trình dự bị Đại học quốc tế, năm học đầu tiên (2 học kỳ) mỗi học kỳ nộp phụ phí, ngoài ra còn thu phí sử dụng máy tính và mạng internet, các chi phí làm thay khác; Sau khi vào học khoa đã trúng tuyển sẽ thu học phí - phụ phí theo quy định đối với khoa theo học.
- 二、先修生於國際專修部修讀華語課程期間退學及退費標準依據一般學位生規定時程辦理；惟必須無任何欠費方得註冊，進入錄取之學系就讀時亦同，未依規定完成學雜費繳費者予以退學處分。
- II. Quy định về thôi học và hoàn phí trong thời gian sinh viên tiếng Hoa học tập khóa học tiếng Hoa thuộc Chương trình dự bị Đại học quốc tế được thực hiện dựa trên thời khóa biểu quy định đối với sinh viên theo học học vị thông thường; Tuy nhiên buộc phải là không nợ chi phí nào thì mới được đăng ký, với người nhập học vào khoa trúng tuyển cũng vậy, người chưa nộp xong học phí - phụ phí theo quy định thì bị xử lý kỷ luật buộc thôi học.

第八條 醫療保險與全民健康保險：

Điều 8 Bảo hiểm y tế và bảo hiểm y tế toàn dân:

- 一、先修生註冊時，新生應檢附已投保自入境當日起至少六個月效期之醫療及傷害保險，前項保險證明如為國外所核發者，應經駐外館處驗證。未檢附者，為保障自身在校在臺安全，須強制參加本校提供之「境外學生醫療保險」。
- I. Khi đăng ký sinh viên tiếng Hoa, sinh viên mới cần gửi kèm bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn có giá trị ít nhất sáu tháng kể từ ngày nhập cảnh, nếu giấy chứng nhận bảo hiểm kể trên do nước ngoài cấp thì phải được cơ quan đại diện ngoại giao đặt tại nước ngoài chứng thực. Với người chưa nộp kèm, để đảm bảo an toàn cho bản thân trong thời gian học tập trong trường tại Đài Loan, buộc phải tham gia “Bảo hiểm y tế dành cho sinh viên nước ngoài” do nhà trường cung cấp.
- 二、持有居留證明文件在臺居留滿六個月之先修生，依據「全民健康保險法」規定，全民健康保險為強制性，符合資格者皆須參加。
- II. Sinh viên tiếng Hoa đã cư trú tại Đài Loan đủ sáu tháng có giấy chứng nhận cư trú, theo quy định của "Luật Bảo hiểm y tế toàn dân", bảo hiểm y tế toàn dân là bắt buộc, người đáp ứng điều kiện đều phải tham gia.

第九條 獎勵機制：

Điều 9 Quy chế khen thưởng:

- 一、先修生於國際專修部修讀華語課程期間，通過華語文能力測驗(TOCFL)之聽力與閱讀測驗基礎級A2標準(含以上)，依據本校「國際專修部華語測驗獎助學金實施要點」規定辦理。
- I. Trong thời gian sinh viên tiếng Hoa học tập khóa học tiếng Hoa thuộc Chương trình

dự bị Đại học quốc tế, đạt tiêu chuẩn cấp độ A2 cơ bản (bao gồm trở lên) với kỹ năng nghe và đọc hiểu của kỳ thi năng lực Hoa ngữ (TOCF), thực hiện theo quy định “Trọng điểm thực hiện học bổng, hỗ trợ kỳ thi năng lực Hoa ngữ và hỗ trợ giảng dạy của Chương trình dự bị Đại học quốc tế” và “Trọng điểm thực hiện khen thưởng chứng chỉ, bằng cấp của học sinh” của nhà trường.

二、先修生進入錄取之學系就讀第一年起依據「境外學生獎助學金作業要點」規定辦理。

II. Sinh viên tiếng Hoa từ năm đầu tiên nhập học vào khoa trúng tuyển được thực hiện theo quy định tại “Trọng điểm thực hiện học bổng, hỗ trợ đối dành cho sinh viên nước ngoài”.

第十條 先修生如退學或變更、喪失學生身分等情事，國際專修部應同時於全國大專校院境外生資料管理資訊系統通報。

Điều 10 Với học sinh tiếng Hoa có tình trạng bị thôi học hoặc thay đổi, bị mất tư cách sinh viên, Chương trình dự bị Đại học quốc tế cần đồng thời thông báo với Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu sinh viên nước ngoài các trường cao đẳng, đại học toàn quốc.

第十一條 先修生之申請入學、平時生活、課業輔導等事務由國際專修部與相關單位負責辦理。

Điều 11 Các công việc liên quan đăng ký nhập học, sinh hoạt ngày thường, hỗ trợ bài học v.v..., cho sinh viên tiếng Hoa sẽ do Chương trình dự bị Đại học quốc tế và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện.

第十二條 本辦法如有未盡事宜，依本校其他相關法規辦理。

Điều 12 Nếu trong Phương thức này còn có vấn đề chưa được đề cập, sẽ được thực hiện theo quy định tại các quy định liên quan khác của nhà trường.

第十三條 本辦法經行政會議通過，自發布日施行。

Điều 13 Phương thức này được Hội nghị hành chính thông qua, được thực hiện từ ngày được công bố.